

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-PT

Ngày: 20-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt; Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2020TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Lê Phạm Thi T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Phạm Thi T (Bin), sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 428/AB1 ấp AB, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Phạm Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 17/9/2019, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2019, Lê Phạm Thi T điều khiển xe mô tô từ nhà ở xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre vào khu vực Trường Phan Thanh Giản thuộc địa bàn thị trấn B mua 1.000.000 đồng ma túy đá của một người thanh niên không rõ lai lịch rồi điều khiển xe về. Khi đến khu phố 5, thị trấn B, T có biểu hiện vi phạm luật giao thông đường bộ nên bị Công an thị trấn B dừng xe kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ tang vật và tài sản có liên quan bao gồm: 05 túi ny lon và 01 đoạn ống nhựa bên trong rỗng thu giữ trong túi quần phía trước bên phải được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 01; 07 túi ny lon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng thu giữ trong túi quần phía trước bên

phải, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 2; 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 869566046718714, số IMEI 2: 869566046718706, bên trong có gắn một sim thuê bao số 0xxxxxxx của Lê Phạm Thi T;

Tại Bản kết luận giám định số 110/2019/GĐMT ngày 13 tháng 9 năm 2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 07 túi ny lon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng 1,4077 gam. Hoàn lại mẫu vật sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 1,3388 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Lê Phạm Thi T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Phạm Thi T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng được trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ là từ ngày 11/9/2019 đến ngày 17/9/2019. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 23 (hai mươi ba) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/5/2020, bị cáo Lê Phạm Thi T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Phạm Thi T từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử khoan hồng giảm hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình nuôi dưỡng chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: do nghiện ma túy nên Lê Phạm Thị T đã có hành vi tàng trữ 1,4077 gam Methamphetamine trong người để sử dụng thì bị bắt quả tang. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên, so với mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, bởi lẽ khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ khi bị bắt quả tang là 1,4077 gam, so với điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì khối lượng ma túy từ 0,1 gam đến dưới 5 gam thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, trong khi bị cáo không có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, việc bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là sau ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, chỉ có ý nghĩa trong việc xem xét quá trình hoạt động của bản thân để xem xét việc cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, chứ không phải có nhân thân xấu hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên xem xét giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phạm Thị T, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Phạm Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng được trừ 07 (bảy) ngày bị tạm giữ là từ ngày 11 tháng 9 năm 2019 đến ngày 17 tháng 9 năm 2019. Thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 23 (hai mươi ba) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Phạm Thi T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã AT, huyện B(1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn